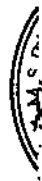
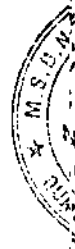


**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về Doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a – DN)	10

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Số 4103002362 ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất số 0300584564 ngày 24 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đức Hòa	Chủ tịch
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
Ông Lê Tuấn	Thành viên
Ông Võ Văn Thọ	Thành viên
Ông Trần Lê Hoa	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Kiến Quốc	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên
Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Võ Văn Thọ	Tổng Giám đốc (kiêm Giám đốc Kinh doanh)
Ông Hoàng Quang Dũng	Giám đốc điều hành sản xuất (kiêm Giám đốc Cung ứng Kho vận)
Bà Nguyễn Thúy Phượng	Giám đốc Tài chính (kiêm Kế toán trưởng)

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Đức Hòa	Chủ tịch
Ông Võ Văn Thọ	Tổng Giám đốc

#### Trụ sở chính

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### Kiểm toán viên

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của kỳ 6 tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 30. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Võ Văn Thọ  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 5 tháng 9 năm 2017

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2017, và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 5 tháng 9 năm 2017. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 30.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có vấn đề nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính giữa niên độ cho thấy tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng ("CMKTVN 18"). Nếu Công ty áp dụng CMKTVN 18 nói trên, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc ước tính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cần phải lập là 9.098.918.014 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.253.768.493 đồng Việt Nam) và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm một khoản tương ứng.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 2 tháng 3 năm 2017. Đồng thời, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng được công ty kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần vào ngày 10 tháng 8 năm 2016.

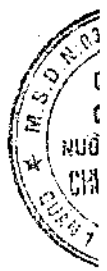
### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0875-2017-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM6429  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 9 năm 2017

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.



11/09/17

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>199.197.681.348</b>	<b>242.516.249.560</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.095.265.020	58.778.051.271
111	Tiền		10.095.265.020	38.778.051.271
112	Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
<b>120</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>102.000.000.000</b>	<b>92.000.000.000</b>
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	102.000.000.000	92.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>41.146.161.388</b>	<b>76.642.832.767</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	38.871.064.612	74.635.321.862
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		533.392.650	362.493.976
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	1.851.804.134	1.755.116.937
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(110.100.008)	(110.100.008)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	7	<b>42.855.224.344</b>	<b>14.749.245.481</b>
141	Hàng tồn kho		43.625.038.284	15.526.529.556
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(769.813.940)	(777.284.075)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.101.030.596</b>	<b>346.120.041</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		530.054.387	346.120.041
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.509.762.746	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.061.213.463	-

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>50.141.254.968</b>	<b>52.098.852.626</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>12.577.238.183</b>	<b>14.414.150.304</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	12.529.571.516	14.295.862.472
222	Nguyên giá		58.320.874.036	58.320.874.036
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(45.791.302.520)	(44.025.011.564)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	47.666.667	118.287.832
228	Nguyên giá		1.300.192.426	1.300.192.426
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.252.525.759)	(1.181.904.594)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	9	<b>23.808.760.680</b>	<b>23.808.760.680</b>
231	Nguyên giá		23.808.760.680	23.808.760.680
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>532.793.607</b>	<b>378.847.205</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		532.793.607	378.847.205
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>6.500.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	6.500.000.000	6.500.000.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.722.462.498</b>	<b>6.997.094.437</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	1.245.166.764	2.027.733.533
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		863.745.451	222.212.867
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		4.613.550.283	4.747.148.037
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>249.338.936.316</b>	<b>294.615.102.186</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>55.495.065.392</b>	<b>81.900.151</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>54.775.065.392</b>	<b>81.280.153.681</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	24.167.475.306	39.297.153.531
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		414.146.179	342.456.562
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.339.440	11.465.588.542
314	Phải trả người lao động	13	3.730.763.058	8.205.672.404
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	15.203.969.314	18.733.468.475
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	1.265.285.874	1.066.031.703
320	Vay ngắn hạn	16	10.000.000.000	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(7.913.779)	2.169.782.464
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>720.000.000</b>	<b>620.000.000</b>
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	720.000.000	620.000.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>193.843.870.924</b>	<b>212.714.948.505</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>193.843.870.924</b>	<b>212.714.948.505</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	85.000.000.000	85.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	17, 18	85.000.000.000	85.000.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	18	(347.276.838)	(347.276.838)
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	104.057.535.579	104.057.535.579
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	5.133.612.183	24.004.689.764
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	18	8.477.639.999	-
421b	- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	18	(3.344.027.816)	24.004.689.764
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>249.338.936.316</b>	<b>294.615.102.186</b>

Nguyễn Thị Thu Thủy  
Người lập

Nguyễn Thúy Phương  
Kế toán trưởng

Võ Văn Thọ  
Tổng Giám đốc  
Ngày 5 tháng 9 năm 2017



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
<b>01</b>	<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>159.254.042.931</b>	<b>193.874.169.623</b>
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.010.819.876)	(8.589.943.210)
<b>10</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<b>153.243.223.055</b>	<b>185.284.226.413</b>
<b>11</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>(111.090.407.127)</b>	<b>(122.601.94</b>
<b>20</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng</b>	<b>42.152.815.928</b>	<b>62.682.284.426</b>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	3.171.109.941	3.875.278.460
22	Chi phí tài chính	(39.532.023)	(2.163.652)
23	Trong đó – Chi phí lãi vay	(20.000.000)	-
24	Chi phí bán hàng	(34.035.761.880)	(32.828.015.382)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(15.450.234.027)	(16.641.673.065)
<b>30</b>	<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(4.201.602.061)</b>	<b>17.085.710.787</b>
31	Thu nhập khác	216.089.013	272.450.028
32	Chi phí khác	(47.352)	(78.003.251)
<b>40</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>216.041.661</b>	<b>194.446.777</b>
<b>50</b>	<b>Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(3.985.560.400)</b>	<b>17.280.157.564</b>
<b>51</b>	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>(3.561.080.476)</b>
<b>52</b>	<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>641.532.584</b>	<b>-</b>
<b>60</b>	<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(3.344.027.816)</b>	<b>13.719.077.088</b>
<b>70</b>	<b>(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(394)</b>	<b>1.618</b>
<b>71</b>	<b>(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(394)</b>	<b>1.618</b>

Nguyễn Thị Thu Thủy  
Người lập

Nguyễn Thúy Phương  
Kế toán trưởng

Võ Văn Thọ  
Tổng Giám đốc  
Ngày 5 tháng 9 năm 2017



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(3.985.560.400)</b>	<b>17.280.157.564</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	1.836.912.121	1.915.990.220
03	Hoàn nhập dự phòng	(7.470.135)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(3.169.123.226)	(3.866.735.217)
06	Chi phí lãi vay	20.000.000	-
08	<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(5.305.241.640)</b>	<b>15.329.412.567</b>
09	Giảm các khoản phải thu	30.336.605.411	2.895.433.583
10	Tăng hàng tồn kho	(27.964.910.974)	(11.130.745.710)
11	Giảm các khoản phải trả	(30.116.531.215)	(12.103.483.628)
12	Giảm các chi phí trả trước	598.632.423	917.807.229
14	Tiền lãi vay đã trả	(20.000.000)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.262.840.733)	(6.874.660.604)
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(2.177.696.243)	(4.353.070.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(38.911.982.971)</b>	<b>(15.319.310.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	-	(430.950.000)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn	(208.800.000.000)	(154.900.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	198.800.000.000	164.900.000.000
27	Lãi tiền gửi ngân hàng nhận được	2.947.623.220	1.920.485.217
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(7.052.376.780)</b>	<b>11.489.535.217</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Vay ngắn hạn nhận được	10.000.000.000	-
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(12.718.426.500)	(9.545.779.300)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(2.718.426.500)</b>	<b>(9.545.779.300)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(48.682.786.251)</b>	<b>(13.375.559.039)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3 58.778.051.271	20.744.102.063
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 10.095.265.020	7.368.543.024

Nguyễn Thị Thu Thủy  
Người lập

Nguyễn Thúy Phương  
Kê toán trưởng

Võ Văn Thọ  
Tổng Giám đốc  
Ngày 5 tháng 9 năm 2017



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là một phần cấu thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2017**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4103002362 đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp gần nhất số 0300584564 ngày 24 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 71/2006/GCNCP-CNTTLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống (không hoạt động tại khu dân cư tập trung), sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 425 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 429 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo hướng dẫn của Cục Tài chính Doanh nghiệp trực thuộc Bộ Tài chính nêu tại Công văn số 16709/BTC-TCND ngày 3 tháng 12 năm 2013, Công ty không cần phải trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Khi người lao động nghỉ việc, Công ty sẽ ghi nhận chi phí trợ cấp thôi việc khi chi trả khoản trợ cấp này.

008  
CỔ  
CỠ  
ĐC  
LƯN

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

### **2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### **2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### **2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

### **2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Đầu tư****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không đòi được các khoản đầu tư này.

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 19
Máy móc, thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải	6 - 8
Dụng cụ quản lý	3 - 7
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Phần mềm máy tính	3 - 10

*Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)**

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Tổn thất Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy. Tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**2.10 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

**2.14 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.16 Vốn cổ phần**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

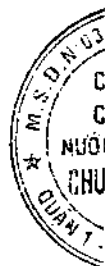
**2.17 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/ cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau:

**(a) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ cho việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.





**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.17 Phân chia lợi nhuận thuần (tiếp theo)**

**(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

**(c) Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

**2.18 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.20 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.21 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm chi phí đi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.22 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá bao gồm các chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí quảng cáo, chi phí hỗ trợ bán hàng, chi phí vận chuyển, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí bằng tiền khác.

**2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); và các chi phí bằng tiền khác.

**2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.25 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.26 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh/ khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Tiền mặt	30.076.013	143.460.273
Tiền gửi ngân hàng	10.065.189.007	38.634.590.998
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	10.095.265.020	58.778.051.271

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30.6.2017		31.12.2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	102.000.000.000	102.000.000.000	92.000.000.000	92.000.000.000

Bao gồm trong số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, Công ty có một khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mệnh giá là 30 tỷ Việt Nam đồng, đáo hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, đang cầm cố cho một ngân hàng thương mại nhằm mục đích vay bổ sung vốn lưu động của Công ty (Thuyết minh 16).

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30.6.2017		31.12.2016	
	Giá gốc (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc (*) VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này vì đây là khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tại ngày 6 tháng 5 năm 2017, Công ty nhận được khoản chia cổ tức của năm 2016 bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải khát Sài Gòn – Tây Đô, nâng số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ lên 1.105.000 cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

Mẫu số B 09a – DN

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba (*)	<u>38.871.064.612</u>	<u>74.635.321.862</u>

(\*) Chi tiết những khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

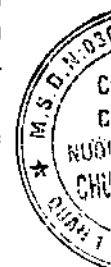
	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hiếu Huy	11.629.695.932	16.376.647.082
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Quốc Thắng	4.501.465.906	5.038.472.618
Công ty TNHH Phân phối Nhật Minh	3.525.600.000	-
Công ty TNHH Hoàng Tuấn	<u>2.483.148.443</u>	<u>24.979.704.412</u>

**6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi	1.246.666.673	1.025.166.667
Tạm ứng cho nhân viên	420.982.852	211.414.600
Các khoản khác	184.154.609	518.535.670
	<u>1.851.804.134</u>	<u>1.755.116.937</u>

**7 HÀNG TỒN KHO**

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	14.239.418.725	10.575.402.122
Công cụ, dụng cụ	51.138.204	124.651.870
Thành phẩm	<u>29.334.481.355</u>	<u>4.826.475.564</u>
	<u>43.625.038.284</u>	<u>15.526.529.556</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(769.813.940)	(777.284.075)
	<u>42.855.224.344</u>	<u>14.749.245.481</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

**Mẫu số B 09a – DN**

**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc, thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>7.960.750.637</u>	<u>39.439.159.807</u>	<u>10.422.795.592</u>	<u>498.168.000</u>	<u>58.320.874.036</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.393.280.511	33.135.173.850	6.101.645.805	394.911.398	44.025.011.564
Khấu hao trong kỳ	267.023.328	894.263.400	587.491.404	17.512.824	1.766.290.956
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>4.660.303.839</u>	<u>34.029.437.250</u>	<u>6.689.137.209</u>	<u>412.424.222</u>	<u>45.791.302.520</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	<u>3.567.470.126</u>	<u>6.303.985.957</u>	<u>4.321.149.787</u>	<u>103.256.602</u>	<u>14.295.862.472</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>3.300.446.798</u>	<u>5.409.722.557</u>	<u>3.733.658.383</u>	<u>85.743.778</u>	<u>12.529.571.516</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 33.865.691.164 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 33.865.691.164 đồng Việt Nam).

**8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)****(b) Tài sản cố định vô hình**

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	104.000.000	1.196.192.426	<b>1.300.192.426</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	49.833.335	1.132.071.259	<b>1.181.904.594</b>
Khấu hao trong kỳ	6.499.998	64.121.167	<b>70.621.165</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	56.333.333	1.196.192.426	<b>1.252.525.759</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	54.166.665	64.121.167	<b>118.287.832</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	47.666.667	-	<b>47.666.667</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.196.192.426 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 247.888.400 đồng Việt Nam).

**9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuê tọa lạc tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá để chuyển nhượng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, dựa trên biên bản làm việc với các đối tác tiềm năng, Ban Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Số dư chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của bao bì luân chuyển đang sử dụng của Công ty. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 3 năm.

**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Bên thứ ba (*)	<u>24.167.475.306</u>	<u>39.297.153.531</u>

(\*) Chi tiết những nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng số phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Baosteel Can Making Việt Nam	14.123.562.438	20.280.057.793
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Minh	<u>4.341.330.000</u>	<u>9.926.385.000</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào quá hạn chưa thanh toán.

**12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	2.722.936.356
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	3.486.944.880
Thuế thu nhập cá nhân	-	160.865.626
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	5.093.374.960
Thuế tài nguyên	1.339.440	1.466.720
	<u>1.339.440</u>	<u>11.465.588.542</u>

(\*) Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ như sau:

	<b>Tại ngày</b> <b>1.1. 2017</b> <b>VND</b>	<b>Số phát sinh</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã thực nộp</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Chuyển sang</b> <b>phải thu</b> <b>VND</b>	<b>Tại ngày</b> <b>30.6.2017</b> <b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>3.486.944.880</u>	-	<u>(4.262.840.733)</u>	<u>775.895.853</u>	<u>-</u>

**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số dư thể hiện khoản tiền lương tháng 6 năm 2017, tiền lương tháng 13 và thưởng dựa trên kết quả công việc 6 tháng đầu năm 2017 trích trước phải trả cho nhân viên.



**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ, khuyến mãi, quảng cáo	10.716.736.519	12.542.129.039
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	3.265.889.691	4.181.798.290
Chi phí thuê đất	782.356.720	785.664.000
Khác	438.986.384	1.223.877.146
	<u>15.203.969.314</u>	<u>18.733.468.475</u>

**15 PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>30.6.2017</b> <b>VND</b>	<b>31.12.2016</b> <b>VND</b>
<b>(a) Ngắn hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	653.416.800	590.388.800
Cổ tức phải trả	238.121.950	240.088.450
Khác	373.747.124	235.554.453
	<u>1.265.285.874</u>	<u>1.066.031.703</u>

**(b) Dài hạn**

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>720.000.000</u>	<u>620.000.000</u>
------------------------------	--------------------	--------------------

**16 VAY NGẮN HẠN**

Số dư thể hiện khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Khoản vay này được thế chấp bằng Hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (Thuyết minh 4(a)), đáo hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và chịu lãi suất 7%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

**Mẫu số B 09a – DN**

**17 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>30.6.2017</b>	<b>31.12.2016</b>
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(22.360)	(22.360)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>8.477.640</u>	<u>8.477.640</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>30.6.2017</b>		<b>31.12.2016</b>	
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	5.261.500	62	5.261.500	62
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Mạo hiểm	1.060.000	13	1.060.000	13
Pyn Fund Management Limited	490.330	6	490.330	6
Các cổ đông khác	1.665.810	19	1.665.810	19
	<u>8.477.640</u>	<u>100</u>	<u>8.477.640</u>	<u>100</u>

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>VND</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>85.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

Mẫu số B 09a – DN

**18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư, phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	85.000.000.000	(347.276.838)	95.110.162.913	20.858.096.257	<b>200.620.982.332</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	30.005.862.206	<b>30.005.862.206</b>
Trích quỹ	-	-	8.947.372.666	(14.142.808.699)	<b>(5.195.436.033)</b>
Chia cổ tức	-	-	-	(12.716.460.000)	<b>(12.716.460.000)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	85.000.000.000	(347.276.838)	104.057.535.579	24.004.689.764	<b>212.714.948.505</b>
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(3.344.027.816)	<b>(3.344.027.816)</b>
Trích khen thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2016 (*)	-	-	-	(2.810.589.765)	<b>(2.810.589.765)</b>
Chia cổ tức	-	-	-	(12.716.460.000)	<b>(12.716.460.000)</b>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	85.000.000.000	(347.276.838)	104.057.535.579	5.133.612.183	<b>193.843.870.924</b>

(\*) Theo Nghị quyết 08/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 5 năm 2017, Công ty được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt khoản trích khen thưởng lợi nhuận vượt kế hoạch năm 2016 với số tiền là 2.810.589.765 đồng Việt Nam.

**19 (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số (lỗ)/lợi nhuận thuần sau khi loại trừ phân trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế, phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2017</b>	<b>30.6.2016</b>
(Lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	(3.344.027.816)	13.719.077.088
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	8.477.640	8.477.640
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>(394)</u>	<u>1.618</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

	<b>30.6.2017</b>	<b>31.12.2016</b>
<b>Tài sản nhận giữ hộ</b>		
Hàng hoá nhận giữ hộ (VND)	38.570.899.782	83.088.399.273
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ	1.047	1.087
Đồng Euro	499	499

**21 DOANH THU BÁN HÀNG**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2017</b>	<b>30.6.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán thành phẩm	159.254.042.931	193.874.169.623
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	(6.010.819.876)	(8.450.981.910)
Hàng bán bị trả lại	-	(138.961.300)
	<u>(6.010.819.876)</u>	<u>(8.589.943.210)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu về bán thành phẩm	<u>153.243.223.055</u>	<u>185.284.226.413</u>

**22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2017</b>	<b>30.6.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	111.090.407.127	122.601.941.987

**23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2017</b>	<b>30.6.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.169.123.226	3.541.735.217
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.986.715	8.543.243
Cổ tức được chia	-	325.000.000
	<u>3.171.109.941</u>	<u>3.875.278.460</u>

**24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2017</b>	<b>30.6.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	20.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	19.532.023	2.163.652
	<u>39.532.023</u>	<u>2.163.652</u>

**25 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Kỳ 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2017</b>	<b>30.6.2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng	12.379.450.088	8.050.920.881
Chi phí lương	6.587.789.588	6.273.771.868
Chi phí quảng cáo	5.927.758.128	5.856.101.764
Chi phí vận chuyển	4.877.276.441	5.035.245.984
Chi phí bao bì, chai kết	831.087.600	3.991.447.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	468.829.752	468.829.752
Chi phí khác	2.963.570.283	3.151.697.245
	<u>34.035.761.880</u>	<u>32.828.015.382</u>

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Chi phí thuê đất	5.148.475.262	5.476.102.186
Chi phí lương	3.584.005.219	3.797.390.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	484.918.969	527.017.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.748.303.405	2.176.747.768
Chi phí khác	2.484.531.172	4.664.414.861
	<u>15.450.234.027</u>	<u>16.641.673.065</u>

27 THUẾ

Số thuế trên (lỗ)/lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo qui định của luật thuế hiện hành và được thể hiện như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.985.560.400)	17.280.157.564
Thuế tính ở thuế suất 20%	(797.112.080)	3.456.031.513
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(65.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	155.579.496	115.477.760
Dự phòng thiếu của năm trước	-	54.571.203
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>(641.532.584)</u>	<u>3.561.080.476</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	-	3.561.080.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	(641.532.584)	-
	<u>(641.532.584)</u>	<u>3.561.080.476</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	120.781.497.572	122.559.001.836
Chi phí nhân công	24.897.774.586	23.886.881.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.836.912.121	1.915.990.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.711.431.758	16.606.819.241
Chi phí bằng tiền khác	20.852.228.867	17.628.350.961
	185.079.844.904	182.597.044.106

**29 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn do chiếm 62% vốn cổ phần của Công ty.

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2017 VND	30.6.2016 VND
<b>i) Cổ tức nhận được</b>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Tây Đô	-	325.000.000
<b>ii) Trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	7.892.250.000	4.735.350.000
<b>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.831.695.286	1.674.439.692

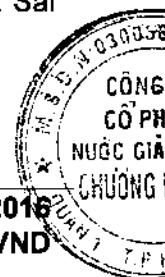
**30 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh nước giải khát chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động sản xuất và kinh doanh nước giải khát là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.



Z  
L  
G  
★

**31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**


Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30.6.2017 VND	31.12.2016 VND
Dưới 1 năm	450.370.000	450.370.000
Từ 1 đến 5 năm	1.801.480.000	1.801.480.000
Trên 5 năm	14.833.742.500	15.058.927.500
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>17.085.592.500</u>	<u>17.310.777.500</u>

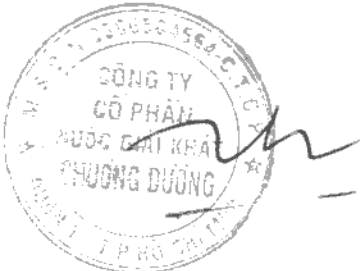
**32 CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

- (a) Tại ngày 23 tháng 8 năm 2017, Công ty nhận được đơn kiện từ một công ty luật đại diện cho một khách hàng của Công ty về việc Công ty chưa thanh toán các khoản hỗ trợ bán hàng với số tiền là 1.223.886.395 đồng Việt Nam. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc của Công ty đang trong quá trình xem xét nghĩa vụ của Công ty đối với các khoản hỗ trợ bán hàng này. Do đó, Công ty chưa ghi nhận các khoản hỗ trợ bán hàng này trên báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.
- (b) Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ quyền sử dụng đất tại số 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và phải trả tiền thuê đất hàng năm cho lô đất này. Theo Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015, Công ty phải trả lại tài sản thuê trong tình trạng như khi nhận, trừ hao mòn tự nhiên hoặc theo đúng như tình trạng đã thỏa thuận; nếu giá trị của tài sản thuê bị giảm sút so với tình trạng khi nhận thì bên cho thuê có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, trừ hao mòn tự nhiên. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng và Thông tư số 200/2014/TT-BTC Tài chính ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2014, Công ty phải lập dự phòng cho chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng khi kết thúc hợp đồng thuê. Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Ban Giám đốc chưa thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về chi phí phá dỡ và khôi phục mặt bằng nêu trên nên Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ trên vào báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 5 tháng 9 năm 2017.

  
Nguyễn Thị Thu Thủy  
Người lập

  
Nguyễn Thúy Phượng  
Kế toán trưởng

  
Võ Văn Thọ  
Tổng Giám đốc

